

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 9 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Quang Vinh;
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 564, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 564, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/11/2020. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tình hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021, sau khi kết hôn được vài tháng thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không còn dung hòa được, anh T và chị N thường xuyên cự cãi, mỗi lần vợ chồng cự cãi thì đòi ly hôn với nhau, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc.

Nay chị Trần Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị N và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có văn bản ghi ý kiến về việc chị N yêu cầu ly hôn, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, anh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/11/2020. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N yêu cầu ly hôn với anh T vì cho rằng vợ chồng có nhiều bất đồng mà không dung hòa được, anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt, việc nuôi con riêng của mỗi người và kinh tế gia đình, anh T không quan tâm và tôn trọng chị N, vợ chồng thường xuyên cự cãi và nhiều lần muốn ly hôn với nhau. Từ đó làm cho tình cảm giữa anh chị phai nhạt, đời sống chung không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T không có con chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình

theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010358 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P, huyện T, Đồng Tháp (Số ĐKKH: 64, ngày 06/11/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ